

DANH SÁCH THÍ SINH
ĐỢT KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA KÌ
HỌC KÌ II NĂM HỌC 2020 - 2021
LỚP: 10C1

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	10009	NGUYỄN CHÍ GIA	BẢO	02/10/2005	1	
2	10024	VÕ LÊ KHÁNH	DUY	26/03/2005	1	
3	10025	NGUYỄN HOÀNG MINH	DUY	26/06/2005	2	
4	10040	NGUYỄN TRÚC	GIANG	05/11/2005	2	
5	10043	TRẦN THANH	HÀO	06/03/2005	2	
6	10046	PHAN NGỌC BẢO	HÂN	23/02/2005	2	
7	10048	PHAN TRUNG	HẬU	13/09/2005	2	
8	10063	VÕ NGỌC	HUỲNH	29/11/2003	3	
9	10072	VŨ VĂN MINH	KHANG	15/12/2005	3	
10	10078	NGUYỄN PHÚ	KHÁNH	01/06/2005	4	
11	10087	NGUYỄN PHẠM GIA	KIỆT	26/07/2005	4	
12	10094	LÊ THỊ NGỌC	LAN	15/03/2005	4	
13	10104	NGUYỄN HOÀNG	LONG	26/08/2005	5	
14	10130	TRẦN BẢO	NGỌC	19/07/2005	6	
15	10134	THÁI NGUYỄN PHƯƠNG	NGUYỄN	08/06/2005	6	
16	10139	VU TRẦN ÁI	NHI	12/02/2005	6	
17	10148	HUỲNH CẨM	NHUNG	10/12/2005	7	
18	10154	NGUYỄN KHÁNH	NHƯ	14/07/2005	7	
19	10157	THÁI NGUYỄN BẢO	NI	01/03/2005	7	
20	10162	ĐẶNG NGUYỄN TẤN	PHÁT	01/08/2005	7	
21	10164	NGUYỄN THƯƠNG	PHÁT	03/09/2005	7	
22	10165	NGUYỄN TRẦN THANH	PHONG	29/11/2005	7	
23	10167	HÀ GIA	PHÚC	24/10/2005	7	
24	10185	PHAN MINH	QUANG	16/01/2005	8	
25	10186	NGUYỄN PHẠM MINH	QUÂN	07/02/2005	8	
26	10197	CHUNG ANH	TÀI	24/04/2005	9	
27	10199	NGUYỄN THỊ MỸ	TÂM	21/02/2005	9	
28	10202	TRỊNH NGUYỄN HOÀNG	TẤN	29/11/2005	9	
29	10210	NGUYỄN THỊ	THẢO	04/09/2005	9	
30	10219	NGUYỄN THỊ MINH	THO	13/03/2005	10	
31	10226	NGUYỄN ANH	THƯ	06/01/2005	10	
32	10234	PHẠM THỊ THUỶ	TIÊN	20/10/2005	10	
33	10240	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRÂN	25/10/2005	11	
34	10250	HUỲNH NGỌC PHƯƠNG	TRÚC	17/04/2005	11	
35	10253	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	TRUNG	05/01/2005	11	
36	10256	THIỆU VĂN	TRUNG	27/09/2005	11	
37	10261	NGUYỄN ANH	TUYÊN	24/12/2005	11	
38	10277	NGUYỄN LONG	VŨ	10/01/2005	12	
39	10281	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VY	09/06/2005	12	
40	10283	TRANG CÔNG	XUÂN	20/01/2005	12	
41	10151	ĐÀO THỊ	NHUNG	27/01/2005	7	

Danh sách này có 41 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH
ĐỢT KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA KÌ
HỌC KÌ II NĂM HỌC 2020 - 2021
LỚP: 10C2

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	10001	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	20/08/2005	1	
2	10005	TRẦN NGỌC QUỲNH	ANH	31/12/2005	1	
3	10011	TRẦN GIA	BẢO	31/12/2005	1	
4	10018	ĐẶNG TRẦN THÀNH	CÔNG	06/01/2005	1	
5	10021	VÕ MINH	CƯỜNG	05/03/2005	1	
6	10031	LÊ THỊ THUỖ	DƯƠNG	08/02/2005	2	
7	10038	ĐỒNG XUÂN	ĐẠT	06/02/2005	2	
8	10041	HUỲNH HUỆ MINH	GIÀU	09/01/2005	2	
9	10045	TRƯƠNG VĨNH	HÀO	16/03/2005	2	
10	10053	PHÙNG LÊ	HOÀNG	14/11/2005	3	
11	10059	HUỲNH NHẬT	HUY	24/02/2005	3	
12		NGUYỄN THỊ NGỌC	HƯƠNG	12/11/2005		
13	10071	TRƯƠNG HOÀNG	KHANG	11/06/2005	3	
14	10073	HOÀNG QUỐC	KHANG	20/09/2005	4	
15	10077	LÊ HOÀNG NHẬT	KHÁNH	08/07/2005	4	
16	10097	VŨ THỊ KHÁNH	LINH	12/07/2005	5	
17	10098	TRẦN NGỌC	LINH	27/10/2005	5	
18	10106	NGUYỄN LÂM CÁC	LỘC	28/09/2005	5	
19	10124	HỒ THỊ THANH	NGÂN	24/10/2005	6	
20	10128	TRẦN NHƯ BẢO	NGỌC	16/11/2005	6	
21	10136	LÊ PHÚC	NHÂN	01/12/2005	6	
22	10138	HỒNG	NHẬT	10/08/2005	6	
23	10141	PHẠM TÂM	NHI	10/05/2005	6	
24	10145	TẠ HOÀNG YẾN	NHI	16/11/2005	7	
25	10169	TRẦN NGÔ HOÀNG	PHÚC	23/09/2005	8	
26	10187	NGUYỄN CAO PHÚ	QUÝ	24/09/2005	8	
27	10191	NGUYỄN PHƯƠNG	QUỲNH	01/06/2005	8	
28	10194	LÊ PHƯỚC	SANG	15/12/2005	9	
29	10196	TRẦN TRUNG	SƠN	21/07/2005	9	
30	10207	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	13/08/2005	9	
31	10212	LÊ MINH	THIỆN	18/11/2005	9	
32	10218	TRẦN PHẠM QUANG	THỊNH	27/09/2005	10	
33	10228	TRẦN MINH	THƯ	04/10/2005	10	
34	10238	NGUYỄN PHẠM THỦY	TRANG	09/10/2005	10	
35	10241	PHẠM HÀ MAI	TRÂN	08/08/2005	11	
36	10244	HỒ MINH	TRÍ	28/09/2005	11	
37		CAO THỊ MỸ	TRINH	10/06/2005		
38	10247	NGUYỄN THANH HỒNG	TRÚC	16/06/2005	11	
39	10258	NGUYỄN QUANG	TRƯỜNG	13/06/2005	11	
40	10262	NGHI ANH THỦY	TUYÊN	04/01/2005	12	
41	10274	VÕ HOÀNG	VIỆT	19/02/2005	12	
42	10278	LÊ HOÀNG NGUYỄN	VŨ	09/04/2004	12	

Danh sách này có 40 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH
ĐỢT KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA KÌ
HỌC KÌ II NĂM HỌC 2020 - 2021
LỚP: 10C3

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	10004	LÊ QUỲNH	ANH	22/06/2005	1	
2	10006	NGUYỄN TUẤN	ANH	27/12/2005	1	
3	10007	NGUYỄN CHÂU	ÂN	10/05/2005	1	
4	10012	TRẦN VÕ HOÀI	BẢO	23/03/2005	1	
5	10015	TRẦN THANH	BÌNH	07/03/2005	1	
6	10019	PHẠM HỒ KIM	CƯỜNG	26/10/2005	1	
7	10022	TRẦN NGỌC	DIỆP	26/03/2005	1	
8		ĐỖ THỊ	HẬU	17/06/2005		
9	10050	VÕ TRANG THU	HIỀN	22/08/2005	3	
10	10051	TRẦN NGỌC ANH	HOA	06/03/2005	3	
11	10054	NGUYỄN KIM	HỒNG	17/09/2005	3	
12	10060	NGUYỄN NHẬT	HUY	08/10/2005	3	
13	10064	TÔ NGỌC SONG	HUYNH	30/07/2005	3	
14	10066	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	12/08/2005	3	
15	10070	LÊ TRẦN BẢO	KHANG	28/04/2005	3	
16	10075	LƯƠNG VĨ	KHANG	30/03/2005	4	
17	10083	TRẦN ĐĂNG	KHÔI	27/03/2005	4	
18	10096	LÊ HOÀNG KHÁNH	LINH	08/02/2005	4	
19	10107	CAO HOÀNG TẤN	LỘC	14/01/2005	5	
20	10108	NGUYỄN KIỀU	MAI	07/01/2005	5	
21	10110	PHAN GIA	MÃN	20/07/2005	5	
22	10112	NGUYỄN	MÃN	27/09/2005	5	
23	10115	NGUYỄN HOÀNG DIỄM	MY	24/08/2005	5	
24	10121	VÕ NGỌC KIM	NGÂN	13/09/2005	6	
25	10142	TĂNG TÂM	NHI	28/07/2005	6	
26	10144	MAI THỊ XUÂN	NHI	11/02/2005	6	
27	10146	LÊ YẾN	NHI	06/02/2005	7	
28	10149	NGUYỄN THỊ NGỌC	NHUNG	11/12/2005	7	
29	10158	NGUYỄN HOÀNG GIA	PHÁT	25/05/2005	7	
30	10159	DIỆP HOÀNG	PHÁT	29/07/2005	7	
31	10166	VÕ ĐĂNG	PHÚC	14/07/2005	7	
32	10179	HÀNG KIM	PHỤNG	27/08/2005	8	
33	10208	ĐỖ LÊ THẠCH	THẢO	08/10/2005	9	
34	10216	LÊ ĐỨC	THỊNH	14/07/2005	10	
35	10225	TRẦN NGỌC ANH	THƯ	31/03/2005	10	
36		NGUYỄN MINH	THƯ	27/07/2005		
37	10232	NGUYỄN YẾN	THY	03/07/2005	10	
38	10237	PHẠM VĂN	TOÀN	10/07/2005	10	
39	10251	HUYNH DƯƠNG THANH	TRÚC	19/07/2005	11	
40	10255	VÕ THÀNH	TRUNG	18/07/2005	11	
41	10275	HOÀNG PHI	VIỆT	06/06/2005	12	
42	10280	NGUYỄN KHÁNH TƯỜNG	VY	16/11/2005	12	

Danh sách này có 40 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH
ĐỢT KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA KÌ
HỌC KÌ II NĂM HỌC 2020 - 2021
LỚP: 10C4

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	10002	ĐOÀN NGỌC MINH	ANH	01/10/2004	1	
2	10003	TRANG NGỌC	ANH	04/02/2005	1	
3	10014	TRANG THANH	BÌNH	23/02/2005	1	
4	10027	LÊ HOÀNG KỶ	DUYÊN	06/01/2005	2	
5	10032	LẠI NGUYỄN	ĐẠI	30/01/2005	2	
6	10039	NGUYỄN ANH	ĐỨC	19/12/2005	2	
7	10052	HUỖNH THÁI	HÒA	09/08/2005	3	
8	10056	TRẦN KIM	HUỆ	26/01/2005	3	
9	10068	NGUYỄN TRỌNG	KHA	08/09/2005	3	
10	10069	NGUYỄN HOÀNG BẢO	KHANG	26/09/2004	3	
11	10081	PHAN MINH	KHOA	28/08/2005	4	
12	10082	DU LÂM TUYẾT	KHOA	14/12/2005	4	
13	10086	TRẦN BẢO	KHƯƠNG	04/11/2005	4	
14	10089	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	04/07/2005	4	
15	10091	VÕ LÊ ĐIỂM	KIỀU	24/08/2005	4	
16	10092	VÕ NGUYỄN MỸ	KIM	07/11/2005	4	
17	10099	KIỀU PHƯƠNG	LINH	10/05/2005	5	
18	10101	TRẦN BÍCH	LOAN	30/04/2005	5	
19	10109	LÝ THỊ TUYẾT	MAI	01/03/2005	5	
20	10123	VÕ KIM	NGÂN	29/01/2005	6	
21	10135	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	NGUYỄN	04/12/2005	6	
22	10140	TRẦN VÕ KIM	NHI	06/07/2005	6	
23	10147	NGUYỄN NGỌC YẾN	NHI	04/11/2005	7	
24	10155	LÊ NGỌC QUỲNH	NHƯ	22/10/2005	7	
25	10163	PHẠM TẤN	PHÁT	25/02/2005	7	
26	10168	CHÂU HOÀNG	PHÚC	03/11/2005	7	
27	10170	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	11/11/2005	8	
28	10182	HUỖNH THỊ MỸ	PHƯƠNG	09/09/2005	8	
29	10188	ĐẶNG CHÂU HOÀNG	QUYÊN	18/11/2005	8	
30	10193	NGUYỄN HỮU	SANG	02/06/2005	9	
31	10195	NGUYỄN TẤN THÁI	SƠN	26/07/2005	9	
32	10201	KIỀU THANH	TÂN	03/11/2005	9	
33	10209	NGUYỄN THANH	THẢO	12/12/2005	9	
34	10223	NGUYỄN ĐẶNG HẢI	THÙY	22/02/2005	10	
35	10229	TRƯƠNG NGỌC	THƯ	27/09/2005	10	
36	10246	ĐỖ TẠ ANH	TRÚC	21/06/2005	11	
37	10249	NGUYỄN HUY	TRÚC	12/02/2005	11	
38	10252	HUỖNH HOÀNG	TRUNG	16/09/2005	11	
39	10257	HUỖNH NGUYỄN TRUNG	TRỰC	25/02/2005	11	
40	10270	NGUYỄN DIỆU NHÃ	UYÊN	12/10/2005	12	
41	10276	DƯƠNG QUỐC	VINH	02/07/2005	12	
42	10279	TÔ NGUYỄN LÊ	VY	15/11/2005	12	

Danh sách này có 42 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH
ĐỢT KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA KÌ
HỌC KÌ II NĂM HỌC 2020 - 2021
LỚP: 10C5

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	10008	NGUYỄN HOÀNG	ÂN	03/01/2004	1	
2	10010	HUỖNH GIA	BẢO	05/01/2005	1	
3	10029	TRƯỜNG MỸ	DUYÊN	05/03/2005	2	
4	10030	ĐOÀN THỊ THUỖ	DƯƠNG	20/09/2005	2	
5	10034	HUỖNH PHÁT	ĐẠT	11/06/2005	2	
6	10037	HỒ TIẾN	ĐẠT	05/09/2005	2	
7	10044	LÂM TIẾN	HÀO	12/09/2005	2	
8	10065	PHẠM NGUYỄN GIA	HÙNG	18/07/2005	3	
9	10067	SÂM	KALOOS	21/05/2005	3	
10	10074	PHẠM TRÍ	KHANG	09/07/2005	4	
11	10080	LƯƠNG ĐĂNG	KHOA	16/05/2005	4	
12	10085	VÕ LÊ MỸ	KHUYÊN	27/06/2005	4	
13	10088	HUỖNH TUẤN	KIỆT	06/05/2005	4	
14	10093	TRỊNH	KIM	23/02/2005	4	
15	10100	LÊ THỊ BÍCH	LOAN	02/05/2005	5	
16	10103	MAI HOÀNG	LONG	09/11/2005	5	
17	10111	HÀ MẪN	MẪN	14/10/2005	5	
18	10113	DƯƠNG QUANG	MINH	12/06/2005	5	
19	10117	TRẦN NGUYỄN THẢO	MY	05/08/2005	5	
20	10125	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN	15/10/2005	6	
21	10126	PHẠM HỒNG XUÂN	NGHI	01/11/2005	6	
22	10156	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	NHƯ	01/09/2005	7	
23	10160	HỨA KIM	PHÁT	14/11/2004	7	
24	10174	NGUYỄN TẤN	PHÚC	11/02/2005	8	
25	10177	VÕ THANH	PHÚC	01/12/2005	8	
26	10178	LÊ DƯƠNG VĂN	PHÚC	13/03/2005	8	
27	10181	HUỖNH HOÀNG	PHƯƠNG	26/08/2005	8	
28	10183	NGUYỄN THỊ MỸ	PHƯƠNG	14/12/2004	8	
29	10200	LÊ THÀNH QUÝ	TÂM	21/06/2005	9	
30	10214	NGUYỄN HỒNG	THIỆN	18/04/2005	9	
31		LÊ QUỐC	THIỆN	16/04/2005		
32	10217	VŨ ĐỨC	THỊNH	15/08/2005	10	
33	10221	TRẦN MINH	THUẬN	11/05/2005	10	
34	10227	BÙI NGỌC MINH	THƯ	22/12/2005	10	
35	10235	ĐOÀN HOÀNG	TIẾN	28/09/2005	10	
36	10243	NGUYỄN ĐỨC	TRÍ	24/01/2005	11	
37	10254	TRẦN THÀNH	TRUNG	09/12/2005	11	
38	10263	DƯƠNG THỊ MỘNG	TUYỀN	19/12/2005	12	
39	10265	NGUYỄN LÝ GIA	TUÔNG	23/05/2005	12	
40	10268	PHẠM HUỖNH NGỌC	UYÊN	21/02/2005	12	
41	10273	HUỖNH NHẬT	VI	23/04/2005	12	
42	10248	ĐINH THỊ HỒNG	TRÚC	19/10/2004	11	

Danh sách này có 41 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH
ĐỢT KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA KÌ
HỌC KÌ II NĂM HỌC 2020 - 2021
LỚP: 10C6

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1		THÂN GIA	BẢO	31/03/2004		
2	10016	ĐẶNG NGỌC MINH	CHÂU	29/03/2005	1	
3	10023	HUỖNH TẤN	DŨNG	17/06/2005	1	
4	10028	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	18/03/2005	2	
5	10033	TRẦN THỊ THÚY	ĐÀO	07/01/2005	2	
6	10035	TRƯƠNG THÀNH	ĐẠT	24/05/2005	2	
7	10042	LÊ VĂN	GIÀU	19/11/2005	2	
8	10058	NGUYỄN GIA	HUY	06/04/2005	3	
9	10061	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	20/10/2005	3	
10	10079	DIỆP ĐĂNG	KHOA	04/04/2005	4	
11	10084	ĐẶNG VIỆT	KHÔI	24/09/2005	4	
12	10095	TRỊNH THÙY ÁNH	LINH	21/01/2005	4	
13	10102	TRẦN THỊ THANH	LOAN	06/11/2005	5	
14		NGUYỄN HOÀNG CẨM	MY	28/05/2005		
15	10118	HỒ THỊ NGỌC	MỸ	20/07/2005	5	
16	10127	HỒ NGUYỄN MINH	NGHĨA	02/12/2005	6	
17	10132	THÁI CHÂN	NGUYỄN	31/03/2005	6	
18	10137	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	05/01/2005	6	
19	10143	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHI	10/10/2005	6	
20	10150	NGUY	NHUNG	06/06/2004	7	
21	10153	MAI THỊ TUYẾT	NHUNG	14/04/2005	7	
22	10161	HUỖNH TẤN	PHÁT	29/05/2005	7	
23	10172	VÕ THỊ HỒNG	PHÚC	07/04/2005	8	
24	10173	DƯƠNG QUANG	PHÚC	04/03/2005	8	
25	10180	DIÊU THÀNH	PHƯỚC	27/07/2005	8	
26	10189	HUỖNH TÚ	QUYÊN	08/04/2005	8	
27	10190	NGÔ THỊ NHƯ	QUỖNH	17/11/2005	8	
28	10205	BÙI XUÂN	THÀNH	29/11/2005	9	
29		TRẦN THỊ BÉ	THẢO	20/01/2003		
30	10206	ĐỖ NGỌC	THẢO	13/09/2005	9	
31	10211	TRẦN LÂM NGỌC	THI	22/06/2005	9	
32	10215	VÕ THÀNH	THIỆN	01/03/2005	9	
33	10220	NGUYỄN MINH	THUẬN	26/11/2005	10	
34	10224	NGUYỄN NGỌC ANH	THU	30/12/2005	10	
35	10233	NGUYỄN THỊ MỸ	TIÊN	07/07/2005	10	
36	10239	TRẦN THỊ XUÂN	TRANG	25/10/2005	11	
37	10259	PHẠM CÔNG	TRƯỜNG	13/08/2005	11	
38	10260	NGUYỄN KHÁNH	TUẤN	13/08/2004	11	
39	10264	LƯƠNG THỊ GIÁNG	TUYẾT	11/04/2005	12	
40	10267	TẠ LÊ KHÁNH	UYÊN	20/04/2005	12	
41	10271	PHAN THỊ THANH	VÂN	27/01/2005	12	
42	10282	TRẦN TRIỆU YẾN	VY	05/10/2005	12	

Danh sách này có 39 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH
ĐỢT KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA KÌ
HỌC KÌ II NĂM HỌC 2020 - 2021
LỚP: 10C7

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	10013	NGUYỄN QUỐC	BÌNH	11/08/2005	1	
2	10017	ĐỖ NGUYỄN MINH	CHÂU	10/09/2005	1	
3	10020	NGUYỄN CHÍ	CƯỜNG	19/01/2005	1	
4	10026	TRƯƠNG KIM	DUYÊN	22/10/2005	2	
5	10036	TRƯƠNG THÀNH	ĐẠT	09/03/2005	2	
6	10047	CAO DA	HÂN	20/10/2005	2	
7	10049	LÊ THỊ	HIỀN	03/06/2005	3	
8	10055	NGUYỄN THỊ TUYẾT	HỒNG	13/12/2005	3	
9	10057	HUỲNH ĐỨC	HUY	13/11/2005	3	
10	10062	TRỊNH THANH	HUYỀN	30/11/2005	3	
11	10076	DƯƠNG NGUYỄN DUY	KHÁNH	01/11/2005	4	
12	10090	TRƯƠNG TUẤN	KIỆT	17/04/2005	4	
13	10105	TRẦN PHI	LONG	11/09/2005	5	
14	10114	BINDI DHARMESH	MODI	15/11/2005	5	
15	10116	NGUYỄN LINH THẢO	MY	23/04/2005	5	
16	10119	CHÂU THOẠI	MỸ	08/02/2005	5	
17	10120	TRẦN VĂN	NAM	27/02/2005	5	
18	10122	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	04/07/2005	6	
19	10129	LÊ THỊ BẢO	NGỌC	11/02/2005	6	
20	10131	MAI THỊ HỒNG	NGỌC	16/08/2005	6	
21	10133	NGUYỄN HOÀNG	NGUYỄN	11/07/2004	6	
22	10152	LÊ THỊ TUYẾT	NHUNG	25/12/2005	7	
23	10171	THÁI HOÀNG	PHÚC	28/07/2005	8	
24	10175	TRẦN TẤN	PHÚC	12/12/2005	8	
25	10176	TRẦN THANH	PHÚC	06/06/2005	8	
26	10184	NGUYỄN CHÍ	QUANG	25/09/2005	8	
27	10192	TRƯƠNG THỊ THUÝ	QUỲNH	20/11/2005	8	
28	10198	NGUYỄN HOÀNG HỮU	TÀI	01/06/2005	9	
29	10203	LÂM QUỐC	THÁI	03/10/2005	9	
30	10204	THÁI MINH	THÀNH	10/05/2005	9	
31	10213	NGÔ HOÀNG	THIỆN	28/09/2005	9	
32		NGUYỄN ĐƯƠNG MINH	THUẬN	11/08/2003		
33	10222	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THUY	26/02/2005	10	
34	10230	NGUYỄN HOÀNG	THƯỜNG	28/11/2005	10	
35	10231	DƯƠNG THỊ HỒNG	THY	06/04/2005	10	
36	10236	NGUYỄN VĂN	TIẾN	11/07/2004	10	
37	10242	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂN	01/06/2005	11	
38	10245	NGUYỄN PHƯỚC	TRỌNG	10/04/2005	11	
39	10266	LÊ VĨNH	TUÔNG	21/12/2005	12	
40	10269	NGUYỄN THỊ NGỌC	UYÊN	19/04/2005	12	
41	10272	ĐỖ THUY	VÂN	03/09/2005	12	
42	10284	LÊ THỊ NGỌC	YẾN	20/02/2005	12	

Danh sách này có 41 học sinh

**DANH SÁCH THÍ SINH
ĐỢT KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA KÌ
HỌC KÌ II NĂM HỌC 2020 - 2021
LỚP: 11B1**

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	11291	NGUYỄN THANH	ÂN	26/01/2004	13	
2	11318	ĐỖ THÀNH	ĐẠT	19/10/2004	14	
3	11322	VÕ THÀNH	ĐẠT	05/03/2004	14	
4	11330	LÊ HUỖNH	ĐỨC	19/05/2004	14	
5	11333	NGÔ THỊ HỒNG	GẮM	20/05/2004	15	
6	11334	LA QUỐC HOÀNG	GIANG	11/09/2004	15	
7	11343	DƯƠNG BẢO	HÂN	13/06/2002	15	
8	11365	NGUYỄN QUỐC	HUY	20/10/2004	16	
9	11366	PHẠM THỊ NGỌC	HUYỀN	18/10/2004	16	
10	11376	LÊ NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	16/06/2004	16	
11	11385	BÙI THỊ NHƯ	LAN	15/02/2004	17	
12	11401	NGUYỄN HÀ THANH	MAI	04/08/2004	18	
13	11406	LÊ MINH	MUÔN	30/10/2004	18	
14	11420	LẠI THỊ KIM	NGỌC	10/03/2004	18	
15	11426	TRẦN HẠNH	NHI	26/05/2004	19	
16	11428	LÊ NGUYỄN QUỲNH	NHI	29/12/2004	19	
17	11434	NGUYỄN Ý	NHI	08/11/2004	19	
18	11437	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	02/06/2004	19	
19	11461	VÕ MINH	PHỤNG	25/03/2004	20	
20	11463	LÊ HỒNG	PHƯƠNG	15/11/2004	20	
21	11470	NGUYỄN THỊ THANH	SEN	29/04/2004	21	
22	11474	PHẠM QUỐC	TÂN	22/04/2004	21	
23	11481	LÊ THỊ HỒNG	THẨM	02/11/2004	21	
24	11487	ĐOÀN THỊ KIM	THOA	27/03/2004	21	
25	11497	VÕ MINH	THƯ	18/04/2004	22	
26	11499	NGUYỄN HOÀNG BẢO	THY	19/12/2004	22	
27	11501	TRẦN THỊ CẨM	TIỀN	01/10/2004	22	
28	11518	PHẠM NGUYỄN THANH	TRÚC	23/06/2004	23	
29	11529	NGUYỄN VÕ NGỌC BÍCH	UYÊN	05/05/2004	23	
30	11530	VĂN MỸ	UYÊN	18/08/2004	23	
31	11531	PHẠM NGUYỄN NGỌC	UYÊN	12/11/2004	23	
32	11533	ĐOÀN THẢO	UYÊN	17/11/2004	23	
33	11534	ĐẶNG TRẦN THANH	VÂN	22/04/2004	24	
34	11540	LẠI THỊ KHÁNH	VY	26/07/2004	24	
35	11545	NGUYỄN PHẠM TƯỜNG	VY	10/04/2004	24	
36	11546	PHAN THỊ TƯỜNG	VY	29/06/2004	24	
37	11550	NGUYỄN THỊ THANH	XUÂN	20/05/2004	24	

Danh sách này có 37 học sinh

**DANH SÁCH THÍ SINH
ĐỢT KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA KÌ
HỌC KÌ II NĂM HỌC 2020 - 2021
LỚP: 11B2**

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	11298	LÝ NGỌC	BÍCH	11/11/2004	13	
2	11299	NGÔ THỊ THÚY	CHÂU	14/09/2004	13	
3	11300	PHAN CÔNG	CHỨC	09/08/2004	13	
4	11306	NGUYỄN THÀNH	DANH	05/04/2004	13	
5	11311	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	25/01/2003	14	
6	11316	VÕ THỊ MỸ	DUYÊN	07/12/2004	14	
7	11331	TRẦN MINH	ĐỨC	26/01/2004	15	
8	11337	LÂM VĂN	HẢI	12/04/2004	15	
9	11341	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	HẰNG	07/11/2004	15	
10	11353	NGUYỄN DƯƠNG THANH	HIẾU	25/05/2004	15	
11	11356	THÁI PHẠM MY	HOÀN	06/02/2004	16	
12	11368	NGUYỄN LÊ	HÙNG	07/10/2004	16	
13	11369	LÊ NGỌC QUỲNH	HƯƠNG	17/01/2004	16	
14	11391	CAO BẢO	LONG	09/02/2004	17	
15	11394	NGUYỄN THÀNH	LONG	06/02/2004	17	
16	11411	LÝ KIM	NGÂN	17/08/2004	18	
17	11416	NGUYỄN HOÀNG ĐÔNG	NGHI	16/08/2004	18	
18	11427	NGUYỄN NGỌC	NHI	07/06/2004	19	
19	11431	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHI	08/11/2004	19	
20	11436	LỘ THỊ CẨM	NHUNG	15/10/2003	19	
21	11438	LÊ THỊ TUYẾT	NHUNG	18/12/2004	19	
22	11450	NGUYỄN THANH	PHONG	27/11/2004	20	
23	11465	LẠI THỊ KIM	QUYÊN	20/03/2004	20	
24	11483	HUỲNH THỊ HỒNG	THI	19/04/2004	21	
25	11493	ĐẶNG THỊ THU	THỦY	30/09/2004	22	
26	11495	PHAN NGUYỄN HOÀNG	THƯ	18/06/2004	22	
27	11507	NGUYỄN THỊ BÉ	TRANG	10/12/2004	22	
28	11514	TRẦN THỊ ANH	TRÚC	02/11/2004	23	
29	11516	HUỲNH PHƯƠNG	TRÚC	10/12/2004	23	
30	11521	NGUYỄN MẠNH	TRƯỜNG	13/07/2004	23	
31	11528	LÝ THANH	TUYỀN	04/06/2004	23	
32	11543	PHẠM NGỌC THÚY	VY	25/07/2004	24	
33	11544	ĐÀO THỊ THÚY	VY	17/07/2004	24	
34	11547	TRƯƠNG NHẬT Ý	VY	27/02/2004	24	
35	11555	ĐỖ THỊ NGỌC	YẾN	04/07/2004	24	

Danh sách này có 35 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH
ĐỢT KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA KÌ
HỌC KÌ II NĂM HỌC 2020 - 2021
LỚP: 11B3

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	11288	DƯƠNG QUỲNH	ANH	27/11/2004	13	
2	11295	TRƯƠNG GIA	BẢO	25/09/2004	13	
3	11309	ĐẶNG THANH	DOANH	17/06/2004	14	
4	11319	LẠI KHÁNH THÀNH	ĐẠT	26/03/2004	14	
5	11321	TRẦN THÀNH	ĐẠT	06/04/2004	14	
6	11324	ĐÀO VĂN	ĐỘ	22/03/2004	14	
7	11326	NGUYỄN HỒ HẢI	ĐÔNG	13/12/2004	14	
8	11332	ĐẶNG THÀNH	ĐỨC	03/11/2004	15	
9	11348	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	01/07/2004	15	
10	11349	NGUYỄN PHAN TRUNG	HẬU	28/05/2004	15	
11	11351	LÊ NGỌC	HIỀN	19/04/2004	15	
12	11352	NGUYỄN CHUNG MINH	HIỂU	25/01/2004	15	
13		LƯU TRỊNH HUY	HOÀNG	09/03/2004		
14	11364	SỖ NHẬT	HUY	06/03/2004	16	
15	11367	VÕ THỊ THU	HUYỀN	11/03/2004	16	
16	11379	ĐỖ HỮU TRUNG	KIÊN	23/03/2004	17	
17	11380	ĐỖ LÊ TRUNG	KIÊN	08/11/2004	17	
18	11382	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	19/03/2004	17	
19		TRƯƠNG THỊ THÚY	KIỀU	27/05/2004		
20	11383	TRẦN HỒ	KỶ	11/10/2004	17	
21	11395	LẠI HOÀNG	LỘC	06/08/2004	17	
22	11397	TRÀ TRẦN TẤN	LỘC	12/06/2004	17	
23	11400	NGUYỄN HỮU	LUÂN	10/11/2004	18	
24	11403	NGUYỄN XUÂN	MẠNH	22/12/2004	18	
25	11407	MAI THỊ HÀ	MY	26/03/2004	18	
26	11419	NGUYỄN TRẦN HIỂU	NGỌC	30/12/2004	18	
27	11442	BÙI GIA	NHỤT	17/08/2004	19	
28	11448	VÕ HOÀNG	PHONG	25/11/2003	20	
29	11451	PHẠM XUÂN	PHONG	13/03/2004	20	
30	11452	LÊ NGỌC	PHÚ	07/05/2004	20	
31	11475	VÕ VĂN	THÁI	16/12/2004	21	
32	11494	TRIỆU ANH	THƯ	27/09/2004	22	
33	11504	HOÀNG	TIẾN	26/03/2004	22	
34	11505	TRẦN MINH	TÍNH	09/10/2004	22	
35	11511	TRẦN THỊ THU	TRANG	06/04/2004	22	
36	11532	THÁI NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	02/11/2004	23	
37	11535	ĐOÀN THỊ THU	VÂN	17/11/2004	24	
38	11541	NGUYỄN THÁI NGỌC	VY	09/04/2004	24	
39	11548	TRẦN KHÁNH	XUÂN	22/10/2004	24	
40	11552	TỔNG THỊ HOÀNG	YẾN	16/10/2004	24	

Danh sách này có 38 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH
ĐỢT KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA KÌ
HỌC KÌ II NĂM HỌC 2020 - 2021
LỚP: 11B4

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	11290	LÊ THỊ CẨM	ÂN	31/07/2004	13	
2	11294	VÕ HUỖNH GIA	BẢO	28/07/2004	13	
3	11296	TRỊNH HOÀI	BẢO	06/08/2004	13	
4	11315	NGUYỄN CAO KỶ	DUYÊN	08/02/2004	14	
5	11327	NGUYỄN HOÀNG	ĐÔNG	17/09/2004	14	
6	11338	CAO CHÍ	HÀO	22/07/2004	15	
7	11342	MAI THANH	HẰNG	11/10/2004	15	
8	11345	VŨ GIA	HÂN	27/08/2004	15	
9	11346	ĐỖ THỊ NGỌC	HÂN	06/12/2003	15	
10	11355	TRẦN TÂN	HOÀN	05/10/2004	16	
11	11357	NGUYỄN MINH	HOÀNG	08/06/2004	16	
12	11378	NGUYỄN DUY AN	KHƯƠNG	01/12/2004	17	
13	11386	PHẠM ÚT XUÂN	LAN	10/09/2004	17	
14	11387	NGUYỄN THỊ HOÀI	LINH	29/04/2004	17	
15	11388	NGÔ THỊ THUỖ	LINH	25/11/2004	17	
16	11393	NGUYỄN THÀNH	LONG	22/09/2004	17	
17	11399	CAO MINH	LỢI	22/12/2004	17	
18	11402	CAO NGUYỄN ANH	MẠNH	28/05/2004	18	
19	11405	NGUYỄN PHAN HOÀI	MINH	10/09/2004	18	
20	11417	CAO TRỌNG	NGHĨA	09/12/2004	18	
21	11421	SEN THANH	NGỌC	30/08/2004	18	
22	11425	NGUYỄN MINH	NHẬT	06/12/2004	19	
23	11429	TRỊNH HOÀNG TUYẾT	NHI	26/03/2004	19	
24	11432	NGUYỄN LÊ UYÊN	NHI	10/08/2004	19	
25	11435	NGUYỄN NGỌC YẾN	NHI	12/06/2004	19	
26	11441	NGUYỄN THỊ YẾN	NHƯ	02/08/2004	19	
27	11444	NGUYỄN PHỤNG HỒNG	PHÁT	16/02/2004	19	
28	11445	NGUYỄN NGỌC	PHÁT	06/10/2004	19	
29	11446	HUỖNH THÀNH	PHÁT	07/11/2004	20	
30	11453	LÊ NGỌC	PHÚ	06/04/2004	20	
31	11455	HUỖNH THANH	PHÚ	25/11/2003	20	
32	11457	HUỖNH LÊ KIM	PHÚC	22/04/2004	20	
33	11458	TRẦN NGỌC	PHÚC	30/06/2004	20	
34	11466	TRẦN TẮC	QUYÊN	18/09/2004	20	
35	11480	LÊ THỊ HỒNG	THẨM	18/06/2004	21	
36	11490	VƯƠNG LÊ HIỀN	THỰC	27/10/2004	22	
37	11491	TỬ GIANG	THÙY	25/10/2003	22	
38	11496	NGUYỄN NGỌC MINH	THƯ	01/12/2004	22	
39	11515	ĐẶNG KIM	TRÚC	28/12/2004	23	
40	11525	NGUYỄN MINH	TUẤN	15/01/2004	23	
41	11526	TRẦN MINH THỂ	TUẤN	27/01/2004	23	
42	11536	LÊ CÔNG	VINH	11/03/2004	24	

Danh sách này có 42 học sinh

**DANH SÁCH THÍ SINH
ĐỢT KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA KÌ
HỌC KÌ II NĂM HỌC 2020 - 2021
LỚP: 11B5**

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	11285	NGUYỄN HOÀNG	AN	16/11/2004	13	
2	11292	TRẦN ANH	BẢO	13/12/2004	13	
3	11293	TRƯƠNG ANH	BẢO	12/09/2004	13	
4	11308	NGUYỄN HOÀNG	DINH	24/09/2004	14	
5	11320	LÂM THÀNH	ĐẠT	10/07/2004	14	
6	11323	BÙI TIẾN	ĐẠT	16/08/2004	14	
7	11325	ĐỖ HỮU THIÊN CHÂN	ĐÔNG	26/05/2004	14	
8	11336	NGUYỄN HOÀNG THANH	HẢI	11/04/2004	15	
9	11344	THÁI THỊ BẢO	HÂN	14/10/2004	15	
10	11347	LÊ THỊ NGỌC	HÂN	05/05/2004	15	
11	11359	NGÔ THỊ CẨM	HỒNG	20/02/2004	16	
12	11362	NGUYỄN VĂN	HÙNG	14/10/2004	16	
13	11371	MOHA MACH	KASIM	10/04/2004	16	
14	11374	HỒ PHÚ	KHÁNH	26/04/2004	16	
15	11384	TRẦN NGỌC	LAN	04/11/2004	17	
16	11392	DƯƠNG THÀNH	LONG	06/04/2004	17	
17	11408	PHAN NGUYỄN HOÀI	NAM	06/08/2004	18	
18	11409	QUÁCH TÚ	NGA	05/12/2004	18	
19	11410	NGUYỄN KIỀU	NGÂN	25/08/2004	18	
20	11412	TRẦN KIM	NGÂN	28/11/2004	18	
21	11414	VÕ THỊ THANH	NGÂN	20/06/2004	18	
22	11415	TRẦN THỊ TUYẾT	NGÂN	13/07/2004	18	
23	11418	LÊ TRỌNG	NGHĨA	28/10/2004	18	
24	11423	NGUYỄN TRẦN TRỌNG	NHÂN	18/05/2004	19	
25	11424	NGUYỄN MINH	NHẬT	21/12/2003	19	
26	11430	NGUYỄN THANH TUYẾT	NHI	26/11/2004	19	
27	11433	LÂM UYÊN	NHI	22/05/2004	19	
28	11440	NGUYỄN HOÀNG QUỲNH	NHƯ	07/10/2004	19	
29	11443	NGUYỄN THỊ TUYẾT	OANH	08/10/2004	19	
30	11454	NGUYỄN NGỌC	PHÚ	26/05/2004	20	
31	11456	NGUYỄN VĂN	PHÚ	08/02/2004	20	
32	11459	NGUYỄN VỸ	PHÚC	24/07/2004	20	
33	11462	ĐỖ HUY	PHƯỚC	26/10/2004	20	
34	11467	PHẠM NGÔ SỸ	QUYẾT	08/12/2004	20	
35	11472	NGUYỄN THÀNH	TÀI	08/11/2004	21	
36	11477	NGÔ KHAI	THÀNH	14/01/2004	21	
37	11492	ĐOÀN THỊ THANH	THỦY	14/08/2004	22	
38		LÝ ANH	THƯ	09/06/2004		
39	11502	CHÂU KIỀU	TIÊN	16/09/2004	22	
40	11503	NGUYỄN NGỌC THUỶ	TIÊN	12/11/2004	22	
41	11510	PHẠM THỊ THU	TRANG	19/12/2004	22	
42	11554	NGUYỄN NGỌC KIM	YẾN	30/10/2003	24	

Danh sách này có 41 học sinh

**DANH SÁCH THÍ SINH
ĐỢT KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA KÌ
HỌC KÌ II NĂM HỌC 2020 - 2021
LỚP: 11B6**

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	11287	LÊ THỊ KIỀU	ANH	01/11/2004	13	
2	11297	LÝ THIÊN	BẢO	30/01/2004	13	
3	11301	ĐÀO LINH	CHƯƠNG	28/07/2004	13	
4	11310	VÕ NGỌC THÙY	DUNG	11/05/2004	14	
5	11317	BÙI PHONG	ĐẠT	24/10/2004	14	
6	11329	NGUYỄN ANH	ĐỨC	29/12/2004	14	
7	11339	DƯƠNG GIA	HÀO	29/08/2004	15	
8	11340	TRỊNH GIA	HÀO	16/02/2004	15	
9	11350	TRẦN TRUNG	HẬU	04/09/2004	15	
10	11358	TRẦN LƯU TRUNG	HOÀNG	23/06/2004	16	
11	11360	NGUYỄN HỮU	HUÂN	29/04/2004	16	
12	11372	TRẦN HOÀNG	KHANG	27/06/2004	16	
13	11375	NGUYỄN HUỖNH ĐĂNG	KHOA	24/09/2004	16	
14	11377	NGUYỄN THANH	KHÔI	17/12/2004	17	
15	11389	TRIỆU THỊ YẾN	LINH	30/03/2004	17	
16	11396	PHẠM PHÚ	LỘC	22/08/2004	17	
17	11404	NGUYỄN CÔNG	MINH	03/12/2004	18	
18	11422	HUỖNH DIỆP THÀNH	NHÂN	03/04/2004	18	
19	11447	HUỖNH TIẾN	PHÁT	09/01/2004	20	
20	11449	NGÔ ĐÔNG LÊ	PHONG	23/09/2004	20	
21	11464	ĐỖ NGUYỄN	PHƯƠNG	10/10/2003	20	
22	11468	LÊ HỒ NHƯ	QUỲNH	13/09/2004	21	
23	11469	LÊ THIẾT	SANG	10/06/2003	21	
24	11471	PHAN GIA	TÀI	01/12/2004	21	
25	11473	NGÔ THANH	TÂM	29/09/2004	21	
26	11479	NGUYỄN THANH	THẢO	04/06/2004	21	
27	11482	NGUYỄN QUỐC	THẮNG	19/08/2003	21	
28	11484	DƯƠNG THỊ MINH	THI	02/04/2004	21	
29	11485	HUỖNH THỊ KIM	THIỆN	12/11/2004	21	
30	11486	ĐẶNG LÊ HUY	THỊNH	11/10/2004	21	
31	11498	TRẦN CAO HOÀI	THƯỜNG	01/04/2004	22	
32	11500	TRẦN NGÔ NGỌC HỒNG	THY	20/10/2004	22	
33	11506	HUỖNH BẢO	TOÀN	06/01/2004	22	
34	11508	PHẠM THỊ ĐOAN	TRANG	16/12/2004	22	
35		TRẦN NGỌC THU	TRANG	01/03/2004		
36	11512	DƯƠNG THẠCH BẢO	TRÂN	01/01/2004	23	
37	11513	NGUYỄN ANH	TRÍ	13/04/2004	23	
38	11527	ĐÀO TRỌNG	TUẤN	20/04/2004	23	
39	11542	NGUYỄN THỊ THANH	VY	04/05/2004	24	
40	11551	ĐỖ THUY THANH	XUÂN	12/07/2004	24	
41	11553	TRẦN VÕ HOÀNG	YẾN	25/08/2004	24	

Danh sách này có 40 học sinh

DANH SÁCH THÍ SINH
ĐỢT KIỂM TRA TẬP TRUNG GIỮA KÌ
HỌC KÌ II NĂM HỌC 2020 - 2021
LỚP: 11B7

STT	SBD	Họ	Tên	Ngày sinh	Phòng thi	Ghi chú
1	11286	HÀ HUỖNH THÚY	AN	18/11/2004	13	
2	11289	NGUYỄN NGỌC BẢO	ÂN	14/11/2004	13	
3	11302	DƯƠNG VĂN	CÓ	24/08/2004	13	
4	11303	ĐỖ HIẾU	CUÔNG	01/05/2004	13	
5	11304	LA TUẤN	CUÔNG	02/02/2004	13	
6	11305	LÊ TRỊNH HOÀNG	DANH	12/08/2004	13	
7	11307	NGUYỄN THỊ HỒNG	DIỄM	15/02/2004	13	
8	11312	PHAN HÙNG	DỪNG	21/06/2004	14	
9	11313	NGUYỄN TIẾN	DỪNG	20/08/2004	14	
10	11314	NGUYỄN MINH	DUY	24/03/2004	14	
11	11328	PHÙNG XUÂN	ĐÔNG	11/01/2003	14	
12	11335	SEN THANH	HÀ	30/08/2004	15	
13		THẠCH THỊ KIỀU	HOA	16/03/2003		
14	11354	NGUYỄN ĐÌNH	HOAN	05/02/2004	16	
15	11361	NGÔ MINH	HÙNG	25/01/2004	16	
16	11363	NGUYỄN KHÁNH	HUY	06/04/2004	16	
17	11370	DƯƠNG THỊ QUỲNH	HƯƠNG	06/04/2004	16	
18	11373	NGUYỄN HOÀNG DUY	KHANH	03/08/2004	16	
19	11381	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	06/03/2004	17	
20	11390	NGUYỄN HOÀNG MINH	LOAN	30/11/2003	17	
21	11398	LẠI HOÀNG	LỢI	06/08/2004	17	
22	11413	LÊ THỊ MỸ	NGÂN	21/06/2004	18	
23	11439	PHẠM NGỌC	NHU	01/12/2004	19	
24	11460	PHẠM VĂN	PHỤC	12/08/2004	20	
25	11476	HỨA THIÊN	THANH	14/09/2004	21	
26	11478	PHẠM XUÂN	THÀNH	27/03/2004	21	
27	11488	TRẦN VÕ KIM	THUẬN	04/11/2004	21	
28	11489	TẠ LÝ	THUẬN	09/06/2004	21	
29	11509	NGUYỄN NGỌC MINH	TRANG	08/08/2004	22	
30	11517	BÙI DƯƠNG THANH	TRÚC	07/08/2004	23	
31	11519	PHẠM THỊ XUÂN	TRÚC	20/07/2004	23	
32	11520	NGUYỄN PHƯỚC	TRUNG	25/11/2004	23	
33	11522	TRẦN ANH	TÚ	04/11/2004	23	
34	11523	TRẦN NGUYỄN ANH	TUẤN	03/01/2004	23	
35	11524	PHẠM VÕ ANH	TUẤN	30/11/2004	23	
36	11537	LỈ HỒNG	VŨ	04/03/2004	24	
37	11538	NGUYỄN MỘNG ANH	VY	27/11/2004	24	
38	11539	LÊ NGUYỄN HẢI	VY	15/07/2004	24	
39	11549	BÙI THỊ KIM	XUÂN	16/09/2004	24	

Danh sách này có 38 học sinh